

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề thi gồm có 2 trang)

MÔN THI: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm):

Đọc bài thơ sau:

Bắc Giang Thương

Lục Ngạn, Lục Na[1] đôi bờ xanh trĩu quả
Núi Huyền Đinh soi bóng Lục Đầu Giang
Che chở, cưu mang một thời khai sáng
Bóng nước dòng Thương in dấu thuở xuân thì.

Đi hết chiều quê, con tìm về ngõ Mẹ
Khói lam chiều rơm rạ âm hương quê
Dĩnh Kế, Bảo Đài, Cẩm Sơn, Xa Lý[2]...
Vó ngựa dập dờn, thấp thoáng bóng hoàng hôn.

Ừ mới đây, mười năm rồi em nhỉ?
Cần Trạm, Xương Giang... đến hẹn lại quay về
Như chim lạc ngàn, như mây trời rong ruổi
Ta trở về trong võng lưới yêu thương.

Kí ức nhọc nhằn, kí ức lại lên hương
Năm tháng vèo qua, nhật nhòa xa cách
Chơi vơi đất trời, chơi vơi sự tích
Thao thiết lòng, ta gọi: Bắc Giang Thương!

(Theo Ngổn ngang mây trắng, Nguyễn Duy Kha[3],

[1] Lục Na: Địa danh cũ của huyện Lục Nam ngày nay.

[2] Xa Lý: Còn có cách gọi khác là Sa Lý, một xã thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[3] Nguyễn Duy Kha sinh năm 1962, quê ở Bắc Ninh, từng dạy học ở Bắc Giang, hiện sống ở Hà Nội.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong bài thơ.

Câu 2. Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của vùng đất Bắc Giang trong bài thơ.

Câu 3. Phân tích tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ sau:

Như chim lạc ngàn, như mây trời rong ruổi

Ta trở về trong võng lưới yêu thương.

Câu 4. Nêu cách hiểu của em về hai chữ “lên hương” trong dòng thơ: Kí ức nhọc nhằn, kí ức lại lên hương.

Câu 5. Giả sử có cơ hội được giới thiệu với bạn bè về một vẻ đẹp của vùng đất Bắc Giang được đề cập trong bài thơ, hãy chọn một vẻ đẹp em yêu thích nhất và giải thích lí do.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm).

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với vùng đất Bắc Giang được thể hiện qua bài thơ Bắc Giang Thương ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm).

Hiện nay, nhiều học sinh có xu hướng thu mình, ngại thể hiện bản thân. Em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vấn đề trên và đề xuất cách khắc phục.

----- **HẾT** -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC GIANG**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THAM KHẢO
NĂM HỌC 2025 – 2026**

ĐỀ THAM KHẢO

MÔN THI: NGỮ VĂN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề	
I			4,0
	1	Thể thơ được sử dụng trong bài thơ: tự do	
	2	Những từ ngữ, hình ảnh thể hiện vẻ đẹp của vùng đất Bắc Giang trong bài thơ: - đôi bờ xanh trĩu quả - Núi Huyền Đinh soi bóng Lục Đầu Giang - Bóng nước dòng Thương in dấu thuở xuân thì. - Khói lam chiều rom rạ âm hương quê - Vó ngựa dập dồn, thấp thoáng bóng hoàng hôn => Vùng đất Bắc Giang hiện lên với vẻ đẹp thanh bình, dung dị lưu dấu màu thời gian, với thiên nhiên hùng vĩ và con người âm ập, gắn bó với quê hương.	
	3	- Biện pháp tu từ được sử dụng: so sánh - Tác dụng: Hình ảnh so sánh làm nổi bật cảm giác tự do, bay bổng của nhân vật trữ tình khi trở về quê hương. Hình ảnh “chim lạc ngàn” thể hiện sự lạc lõng nhưng cũng gợi lên khao khát trở về, trong khi “mây trời rong ruổi” tạo cảm giác nhẹ nhàng, tự do, hòa quyện với thiên nhiên. Điều này làm cho tình cảm đối với quê hương thêm sâu sắc và mãnh liệt. Quê hương hiện lên là suối nguồn kì diệu vỗ về và chữa lành bằng những yêu thương thân thuộc.	
	4	Hai chữ “lên hương” có thể hiểu là những kỷ niệm, dù trải qua nhiều nhọc nhằn, đau khổ, nhưng vẫn được nâng niu, trân trọng và trở nên tươi đẹp hơn theo thời gian. “Lên hương” không chỉ thể hiện sự hồi phục, mà còn gợi lên sự trưởng thành, sự thấu hiểu và tình yêu quê hương sâu sắc hơn. Ký ức trở thành nguồn cảm hứng, nuôi dưỡng tâm hồn và gợi nhớ về những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. <i>* Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, miễn sao hợp lí.</i>	
	5	Nếu có cơ hội đề cập, em sẽ nói về vẻ đẹp của “vườn cây ăn trái trĩu quả”. Vẻ đẹp này không chỉ đơn thuần là cảnh sắc thiên nhiên mà còn là biểu tượng cho sự phồn thịnh, giàu có của vùng đất Bắc Giang. Những vườn cây này mang lại cuộc sống no đủ cho người dân, thể hiện sự chăm sóc và nỗ lực lao động không ngừng. Hình ảnh cây trái còn gợi nhớ về những kỷ niệm ấu thơ, tạo cảm giác gắn bó và yêu thương đối với quê hương, khiến nó trở thành một phần không thể thiếu trong tâm hồn mỗi người con Bắc Giang.	
II			6,0
	1	a. Nếu có cơ hội đề cập, em sẽ nói về vẻ đẹp của “vườn cây ăn trái trĩu quả”. Vẻ đẹp này không chỉ đơn thuần là cảnh sắc thiên nhiên mà còn là biểu tượng cho sự phồn thịnh, giàu có của vùng đất Bắc Giang. Những vườn cây này mang lại cuộc sống no đủ cho người dân, thể hiện sự chăm sóc và nỗ lực lao động không ngừng. Hình ảnh cây trái còn gợi nhớ về những kỷ niệm ấu thơ, tạo cảm giác gắn bó và yêu thương đối với quê hương, khiến nó trở thành một phần không thể thiếu trong tâm hồn mỗi người con Bắc Giang. b. Xác định yêu cầu về mặt nội dung: * Đoạn văn trình bày cảm nhận về tình cảm của tác giả với vùng đất Bắc Giang được thể hiện trong bài thơ. - Mở đoạn: Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả; khái quát tình cảm của tác giả với vùng đất Bắc Giang thể hiện trong bài thơ. - Thân đoạn: Trình bày cảm nhận về tình cảm của tác giả với vùng đất Bắc Giang	

	<p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tình cảm yêu thương chân thành, nỗi nhớ sâu nặng, tha thiết: <ul style="list-style-type: none"> . Nỗi nhớ thiên nhiên, sông núi hùng vĩ. . Nỗi nhớ cảnh vật làng xóm thân thuộc, an yên gắn với kí ức tuổi thơ êm đềm. . Tình cảm gắn bó, nhớ thương con người thuần hậu, cuộc sống hiền hòa, dung dị, giàu tình yêu thương của con người nơi đây. + Niềm tự hào về thiên nhiên, lịch sử, văn hóa <ul style="list-style-type: none"> . Những địa danh gắn với quá khứ, lịch sử văn hóa: mảnh đất trù phú, giàu có sản vật tự nhiên; thiên nhiên trữ tình, hùng vĩ; truyền thống văn hóa phong phú, đặc sắc, hào hùng. <p>=> Mảnh đất Bắc Giang luôn in hằn những kí ức thân thuộc, là nguồn cảm hứng và chỗ dựa tinh thần, nâng đỡ mỗi bước chân người con Bắc Giang trên hành trình trưởng thành và cống hiến cho Tổ quốc, quê hương yêu dấu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết đoạn: Khái quát vấn đề. * Đoạn văn phải sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề trên. <p><i>c. Hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các ý phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn. <p><i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục; lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng. <p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, đúng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.</p> <p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	
2	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận.</i></p> <p>Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p> <p><i>b. Đọc văn bản và xác định đúng vấn đề nghị luận</i></p> <p>(vấn đề nghị luận được phát hiện trong quá trình đọc sẽ thể hiện bằng cách tích hợp trong bài nghị luận ở phần nội dung nghị luận và không cần trả lời bằng câu trả lời riêng).</p> <p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề thành các luận điểm rõ ràng, cụ thể.</p> <p>Về nội dung: xác định, phân tích được vấn đề cần giải quyết và đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục.</p> <p>Về hình thức: Lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.</p> <p>Bố cục bài viết cần đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Giới thiệu vấn đề cần nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vấn đề nghị luận: Xu hướng thu mình, ngại thể hiện bản thân là gì? - Thể hiện quan điểm của người viết về xu hướng thu mình, ngại thể hiện bản thân của học sinh hiện nay, có thể theo một số gợi ý sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thực trạng: Hiện nay, nhiều học sinh có xu hướng thu mình, ngại thể hiện bản thân. Đây là một vấn đề đáng lo ngại, bởi nó ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của học 	

	<p>sinh.</p> <p>+ Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Do áp lực thi cử, học tập quá lớn khiến học sinh căng thẳng và không có thời gian, tâm trí tham gia hoạt động xã hội. . Do sự thiếu tự tin, sợ thất bại, khiến học sinh ngại giao tiếp, ngại thể hiện bản thân. . Do môi trường gia đình, nhà trường chưa tạo điều kiện cho học sinh được tự do thể hiện bản thân <p>+ Hậu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Hạn chế khả năng phát triển kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm của học sinh. . Khiến học sinh cảm thấy cô đơn, lạc lõng, dễ bị trầm cảm, stress. . Ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách, hạn chế khả năng thành công trong cuộc sống của học sinh. <p>+ Mở rộng, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện...</p> <p>+ Cách khắc phục:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Gia đình cần tạo điều kiện cho con em được tự do thể hiện bản thân, khuyến khích con em tham gia các hoạt động xã hội. . Nhà trường cần xây dựng môi trường học tập vui tươi, lành mạnh, tạo điều kiện cho học sinh được tự do thể hiện bản thân, phát huy năng lực của bản thân. . Xã hội cần tạo ra những sân chơi lành mạnh, bổ ích cho học sinh, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thể hiện bản thân. <p>* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.</p> <p><i>Học sinh có thể có nhiều cách hiểu khác nhau miễn sao lập luận hợp lý, thuyết phục.</i></p> <p><i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu.</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt, dùng từ, đặt câu, diễn đạt mạch lạc.</p> <p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Có cách diễn đạt sáng tạo; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích và trân trọng những bài làm có sự sáng tạo và giọng điệu riêng. - Chấp nhận cách kiến giải khác nhau về vấn đề kể cả không có trong hướng dẫn chấm miễn là hợp lý và thuyết phục. <p>Tổng điểm toàn bài là 4,0 điểm có thể cho điểm lẻ đến 0,25 điểm. Việc chi tiết hóa điểm số phải có sự thống nhất trong tổ chấm thi đảm bảo không có sự sai lệch với tổng điểm của mỗi câu.</p>	
--	--	--